

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST
Ngày: 14-01-2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Lâm

2. Ông Lý Thanh Chiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Yến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên Tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2020/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim H;

Hộ khẩu thường trú: Số x, khóm T1, Phường y, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ liên hệ: Số z, đường K, Khóm n, Phường m, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T; địa chỉ: Số r, Đường L, Khóm u, Phường w, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 27/10/2020 (có mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Minh T2;

Hộ khẩu thường trú: ấp M1, xã M2, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở: Công an huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 9 năm 2020, nguyên đơn chị Lê Thị Kim H trình bày:

Vào ngày 18/7/2019, chị H có cho anh T2 vay số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), việc vay tiền có lập thành hợp đồng vay tiền, sau khi ký hợp

đồng thì chị H giao tiền cho anh T2. Theo thỏa thuận thời hạn vay tiền là 06 tháng kể từ ngày 18/07/2019, lãi suất theo quy định pháp luật nhưng tự thỏa thuận ngoài hợp đồng là 1,5%/tháng. Kể từ khi nhận tiền, anh T2 đóng lãi được 03 tháng thì không đóng lãi nữa. Chị H có yêu cầu anh T2 đóng lãi tiếp, nhưng anh T2 không thực hiện đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng nên chị H yêu cầu anh T2 trả cho chị H số tiền vốn và tiền lãi thì anh T2 chỉ hứa hẹn rồi lần tránh không thanh toán. Sau đó, chị H có đến Cơ quan nơi anh T2 làm việc để yêu cầu giải quyết. Vào ngày 28/8/2020, Cơ quan của anh T2 có mời chị H và anh T2 đến để giải quyết thì anh T2 viết tay “Bảng Thỏa thuận” thừa nhận có nợ của chị H số tiền 100.000.000 đồng và hứa sẽ trả hết số nợ vào ngày 15/9/2020, nhưng quá thời hạn anh T2 vẫn không thực hiện việc trả nợ cho chị H.

Do vậy, chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh Lê Minh T2 có trách nhiệm trả cho chị H số tiền vay còn nợ là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi đối với số tiền vay 100.000.000 đồng còn nợ, kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi thanh toán hết nợ, theo mức lãi suất 20%/năm.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu Trang trình bày:*

Vào 10/10/2020, bị đơn anh T2 đã trả vốn vay cho chị H được số tiền 20.000.000 đồng, nên nguyên đơn chị H tự nguyện thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể chị H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh Lê Minh T2 có trách nhiệm trả cho chị H số tiền vay còn nợ là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) và số tiền lãi đối số tiền vay 80.000.000 đồng còn nợ kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án 02/10/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất 20%/năm.

** Theo Biên bản ghi lời khai ngày 28/10/2020 trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Minh T2 trình bày:*

Anh T2 thừa nhận có vay tiền của chị H với tổng số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), nhưng thực tế không phải vay một lần mà vay 3 (ba) lần, cụ thể: Lần thứ nhất: vào ngày 18/7/2019 với số tiền vay 40.000.000 đồng; Lần thứ hai: không nhớ rõ ngày tháng năm với số tiền vay 25.000.000 đồng; Lần thứ ba: không nhớ rõ ngày, tháng, năm với số tiền vay 35.000.000 đồng. Sau 3 (ba) lần vay tiền thì anh T2 và chị H có làm lại Hợp đồng vay tiền ngày 18/7/2019 với tổng số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Về tiền lãi: khi vay tiền lần đầu 40.000.000 đồng hai bên thỏa thuận đóng lãi là 3%/tháng, nhưng khi tổng số tiền vay 100.000.000 đồng thì tiền lãi mỗi tháng là 4.000.000 đồng. Anh T2 trả đủ tiền lãi cho chị H kể từ khi vay đến tháng 6/2020. Việc trả tiền lãi hàng tháng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của anh Nguyễn Văn U (là chồng của chị Lê Thị Kim H), tổng số tiền lãi đã đóng cho chị H là bao nhiêu thì anh T2 chưa kiểm tra và chưa tính nên chưa cung cấp được cho Tòa án. Đối với số tiền nợ gốc, anh T2 có chuyển khoản trả cho chị H 10.000.000 đồng vào ngày 16/9/2020 và 10.000.000 đồng vào ngày 10/10/2020 nên tổng nợ gốc hiện tại anh T2 thống nhất còn nợ chị H là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

Anh T2 thống nhất còn nợ chị H số tiền vay là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), đồng thời, anh T2 đồng ý trả số tiền vay còn nợ cho chị H. Nhưng do

hoàn cảnh khó khăn và bị mất khả năng thanh toán nợ nên anh T2 yêu cầu được trả mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi hết nợ. Đối với tiền lãi kể từ ngày thụ lý vụ án, anh T2 không có khả năng thanh toán.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T2 và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị H thống nhất số tiền vốn vay anh T2 còn nợ là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) và anh T2 đồng ý trả cho chị H khoản tiền vốn vay này. Nhưng giữa anh T2 và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị H không thỏa thuận được với nhau về phương thức trả nợ, thời gian trả nợ và khoản tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc anh T2 có trách nhiệm trả cho chị H số tiền vay còn nợ là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) một lần và tiền lãi đối số tiền vay còn nợ, kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án (ngày 02/10/2020) cho đến ngày xét xử sơ thẩm (14/01/2021) là 3 (ba) tháng 12 (mười hai) ngày, theo mức lãi suất 20%/năm, thành tiền là 4.515.000 đồng. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 84.515.000 đồng (Tám mươi bốn triệu, năm trăm mười lăm nghìn đồng). Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn anh Lê Minh T2 còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi đối với số tiền vốn vay còn nợ theo mức lãi suất 1,66%/tháng cho đến khi trả hết số tiền vốn vay.

Bị đơn anh T2 đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho anh T2 trực tiếp ký nhận, nhưng anh T2 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do. Sau khi Tòa án hoãn phiên tòa, đã tiến hành tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai thì anh T2 thay đổi nơi cư trú không thông báo cho Tòa án biết nên Tòa án đã tiến hành niêm yết quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tại chỗ ở của anh T2, đồng thời đến nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh T2 để tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho anh T2 thì được ông Lê Minh T3 là cha ruột của anh T2 nhận thay và cam đoan giao lại cho anh T2, nhưng anh T2 vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng, đầy đủ theo quy định pháp luật tố tụng. Riêng đối với bị đơn chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Về quan điểm về việc giải quyết vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị Kim H yêu cầu Tòa án buộc anh Lê Minh T2 có nơi đăng ký thường trú tại ấp M1, xã M2, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nhưng chỗ ở tại Công an huyện M, tỉnh Sóc Trăng trả số tiền vay còn nợ nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị H và bị đơn anh T2 đều thống nhất bị đơn anh T2 có vay của nguyên đơn chị H tổng số tiền là 100.000.000 đồng, anh T2 đã trả được số tiền vốn vay 20.000.000 đồng, số tiền vốn vay anh T2 còn nợ chị H là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) và anh T2 đồng ý trả cho chị H khoản tiền vốn vay 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định anh T2 còn nợ chị H là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) là đúng sự thật. Đối chiếu với Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thì việc chị H yêu cầu anh T2 trả số tiền vay còn nợ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét về thời hạn và phương thức thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T2 đồng ý trả số tiền vay 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) cho chị H. Nhưng vì hoàn cảnh khó khăn và hiện nay anh T2 bị mất khả năng thanh toán nên anh T2 yêu cầu được trả mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi hết nợ, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị H không đồng ý và yêu cầu anh T2 phải trả hết số tiền vay còn nợ một lần. Theo khoản 1 Điều 278 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên thỏa thuận, theo quy định của pháp luật hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền*”. Như vậy, giữa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị H và bị đơn anh T2 không thỏa thuận được với nhau về phương thức trả nợ, thời gian trả nợ; mặt khác, theo thỏa thuận trong hợp đồng thì thời hạn trả nợ là đến ngày 18/01/2020, hiện nay đã quá hạn trả nợ nên đề nghị của anh T2 là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu về khoản tiền lãi của nguyên đơn: Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị H cho rằng kể từ khi vay tiền đến ngày khởi kiện, bị đơn anh T2 chỉ đóng lãi được 3 tháng theo mức lãi suất thỏa thuận ngoài hợp đồng là 1,5%/tháng; còn phía bị đơn anh T2 cho rằng đã đóng lãi theo thỏa thuận ban đầu 3%/tháng, khi số tiền vay 100.000.000 đồng thì đóng lãi 4.000.000 đồng/tháng đủ đến tháng 6/2020, nhưng bị đơn anh T2 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình nên không có cơ sở để Tòa án xem xét. Mặt khác, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị H trình bày chỉ yêu cầu buộc anh T2 trả tiền lãi đối số tiền vay còn nợ, kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất 20%/năm. Đối chiếu Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì yêu cầu của nguyên đơn chị H là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể tiền lãi bị đơn anh T2 phải thanh toán đối với khoản tiền vay còn nợ là 80.000.000 đồng x 3 tháng 12 ngày x 1,66%/tháng = 4.515.000 đồng (Bốn triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H được chấp nhận nên chị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn anh T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với tổng số tiền 84.515.000 đồng phải thanh toán cho nguyên đơn chị H là 4.225.750 đồng (Bốn triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 278; Điều 280; Điều 357; Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban TH vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Kim H. Buộc anh Lê Minh T2 có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Kim H:

- Tiền vốn vay là 80.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi triệu đồng);

- Tiền lãi kể từ ngày thụ lý vụ án 02/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 14/01/2021 là: 4.515.000 đồng (Bốn triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng);

Tổng cộng là: 84.515.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi bốn triệu, năm trăm mười lăm nghìn đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (15/01/2021) bị đơn anh Lê Minh T2 còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi đối với số tiền vốn vay còn nợ theo mức lãi suất 1,66%/tháng cho đến khi trả hết số tiền vốn vay.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Lê Thị Kim H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006134 ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Anh Lê Minh T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.225.750 đồng (Bốn triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật

thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Luân